

## GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG LÀNG NGHỀ TRUYỀN THỐNG Ở VIỆT NAM PHỤC VỤ DU LỊCH

PHẠM XUÂN HẬU\*, TRỊNH VĂN ANH\*\*

### TÓM TẮT

*Việt Nam hiện có khoảng hơn 2000 làng nghề truyền thống, nhiều làng nghề có hơn 100 tuổi gắn liền với truyền thống văn hóa của các dân tộc khác nhau. Sản phẩm của làng nghề đa dạng, độc đáo đã tạo được sức hút với khách du lịch trong nước, quốc tế. Nhưng nhiều năm qua sự phát triển làng nghề chưa ổn định. Vì vậy, cần có những giải pháp hợp lý phát triển bền vững làng nghề truyền thống, phục vụ du lịch thời kì hội nhập.*

**Từ khóa:** làng nghề, du lịch.

### ABSTRACT

#### *Measures for sustainable development of the traditional handicraft villages in Vietnam to serve tourism*

*Nowadays there are more than 2000 traditional handicraft villages in Vietnam and many of them are more than 100 years old with the cultural traditions of the different ethnic groups. The diversity and uniqueness of the products in these villages attract many domestic and international tourists. However, in the past years the development of the villages wasn't unstable. So, it's essential to find some reasonable measures for sustainable development of the traditional handicraft villages to serve tourism in the integration period.*

**Keywords:** handicraft village, tourism.

### 1. Đặt vấn đề

Việt Nam có 54 dân tộc cư trú trên khắp các vùng lãnh thổ. Mỗi dân tộc đều sở hữu những truyền thống riêng (sản xuất, văn hóa, sinh hoạt, tổ chức hội hè đình đám...). Sự riêng biệt đó đã trở thành những “tài nguyên” có thể tạo ra những sản phẩm du lịch độc đáo có sức cuốn hút mạnh mẽ với du khách trong và ngoài nước. Đặc biệt, khi đầu tư khai thác mạnh và hợp lý, nó sẽ góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, đa dạng hóa sản phẩm, tăng thu nhập kinh tế quốc dân địa phương, nâng cao chất lượng cuộc

sống dân cư. Bài viết này tập trung nghiên cứu nội dung phát triển làng nghề truyền thống phục vụ du lịch, một trong những hoạt động đã được khai thác trong nhiều năm qua dựa trên tiềm năng truyền thống của các địa phương (chủ yếu là vùng nông thôn) nước ta.

### 2. Động lực và tiềm năng phát triển làng nghề

Hàng năm, Việt Nam đón khoảng 3 - 4 triệu khách du lịch quốc tế, hàng chục triệu khách nội địa. Những làng nghề mang bản sắc văn hóa dân tộc, thể hiện những nét đặc trưng của con người ở mỗi vùng miền. Nét đặc thù của làng nghề Việt Nam là sự kết hợp các lễ hội, phong

\* PGS TS, Trường Đại học Sư phạm TPHCM

\*\* ThS, Trường Đại học Sư phạm TPHCM

tục tập quán của các dân tộc, làm tăng khả năng lựa chọn của du khách với những sản phẩm độc đáo, hợp sở thích và nhu cầu (đặc biệt là khách quốc tế).

Phát triển làng nghề có vai trò quan trọng đối với các ngành tiểu thủ công nghiệp, hoàn thiện cơ cấu kinh tế công - nông nghiệp, góp phần làm tăng tỉ trọng giá trị hàng xuất khẩu, tăng thu nhập, giải quyết việc làm cho người lao động (lao động nông nghiệp nông thôn), quảng bá hình ảnh đất nước và con người Việt Nam - quảng bá du lịch.

Nhờ gắn bó chặt chẽ với tập quán, phong tục và truyền thống văn hóa, đời sống sinh hoạt hàng ngày của người dân các địa phương, các loại làng nghề có thể phát triển rất đa dạng về số loại và nhiều về số lượng, có giá trị sử dụng cao. Đặc biệt, khá nhiều sản phẩm từ làng nghề đã có thương hiệu trên thị trường trong nước và quốc tế, như: tranh Đông Hồ, lụa Vạn Phúc, đá mỹ nghệ Non Nước, cây cảnh Cái Mơn, gốm sứ Biên Hòa, Bát Tràng...

Hiện nay, cả nước có hơn 2000 làng nghề truyền thống đã và đang được đầu tư phát triển, gồm có: Vùng đồng bằng sông Hồng (hơn 886 làng nghề), Đông Bắc Bắc Bộ (khoảng 164), Tây Bắc Bắc Bộ (247), Bắc Trung Bộ (342), Nam Trung Bộ (87), Đông Nam Bộ (101), Đồng bằng sông Cửu Long (khoảng 211). Sản phẩm từ làng nghề đã mang lại nguồn thu nhập khá lớn cho địa phương và cả nước. Riêng Tây Nguyên là vùng có nhiều tiềm năng, nhưng đến nay các làng nghề chưa thực sự được đầu tư phát triển đúng với tiềm năng. Vì vậy, sự đóng

góp lợi ích kinh tế cho phát triển địa phương còn hạn chế.

Về cơ cấu làng nghề, trên cả nước hiện có: nghề sản xuất các sản phẩm từ cói (khoảng 281 làng), sơn mài (31), mây tre (713), gốm sứ (61), thêu ren (341), dệt (432), gỗ (342), đá (45), giấy (8), in khuôn gỗ (4), kim khí (204), các sản phẩm khác (509).

### **3. Phát triển làng nghề truyền thống phục vụ du lịch**

#### **3.1. *Đẩy mạnh phát triển các nhóm làng nghề***

Từ lâu, làng nghề truyền thống là nơi cung cấp cho khách những sản phẩm độc đáo với nhiều ý nghĩa (làm vật kỉ niệm, phục vụ vui chơi giải trí, ăn uống sinh hoạt, truyền bá nghề nghiệp). Đặc biệt, từ khi du lịch phát triển mạnh, làng nghề trở nên có vị trí quan trọng, tăng nhanh tốc độ phát triển, đa dạng hóa, nâng cao chất lượng sản phẩm. Hầu hết các làng nghề đã trở thành các điểm tham quan hấp dẫn đối với du khách, đặc biệt là du khách quốc tế.

Các làng nghề truyền thống của các địa phương ở nước ta có thể khai thác phục vụ du lịch theo các nhóm như sau:

- **Làng nghề đúc đồng:** Nghề đúc đồng hình thành và phát triển từ nhu cầu ban đầu là chế tác công cụ lao động sản xuất, sinh hoạt, binh khí bảo vệ cuộc sống. Càng về sau, nhiều sản phẩm được tạo ra với những đường nét tinh xảo phục vụ nhu cầu kinh tế, tín ngưỡng, tôn giáo.... Tiêu biểu là các làng nghề: Ngũ Xá (bên hồ Trúc Bạch, Hà Nội), Đại Bái (Bắc Ninh), Dương Xuân (Huế), Cầu Nôm (Hưng Yên), Phước Kiều (Quảng

Nam), Tân Hòa Đông, Hòa Hưng (TP Hồ Chí Minh).

Những sản phẩm nổi tiếng từ nghề đúc đồng còn lưu truyền đến ngày nay phải kể đến như: tượng phật chúa Quỳnh Lâm (Đông Triều - Quảng Ninh), tháp Bảo Thiên (Thăng Long, Hà Nội), chuông Quy Điền ở chùa Diên Hựu (chùa Một Cột, Hà Nội), vạc Phổ Minh (Thiên Trường, Nam Định). Trong số những sản phẩm này, có những sản phẩm đã không còn nguyên vẹn (chuông Quy Điền và vạc Phổ Minh) nhưng vẫn còn giá trị.

- **Làng nghề kim hoàn** (chạm vàng, bạc): Nghề kim hoàn xuất hiện rất sớm ở nước ta, những sản phẩm chạm vàng bạc được ưa chuộng không chỉ ở thị trường trong nước mà còn trên phạm vi thế giới, vì sản phẩm đã đạt được trình độ tinh xảo làm hấp dẫn khách du lịch.

Các làng nghề kim hoàn điển hình như: làng nghề vàng bạc Châu Khê (Bình Giang, Hải Dương), làng nghề chạm bạc Đồng Xâm (Kiến Xương, Thái Bình), làng dát vàng Kiêu Kị (Gia Lâm, Hà Nội).

Sản phẩm nổi tiếng từ nghề kim hoàn được sử dụng trong các đình, chùa, lăng tẩm,... là những nơi trang trọng, linh thiêng. Ngoài ra, các sản phẩm này còn được dùng làm đồ trang trí và trang sức.

- **Làng nghề gốm, sành sứ:** Là nghề có từ lâu và gắn bó mật thiết với đời sống của nhân dân, nghề gốm phát triển khá rộng trên phạm vi cả nước, gần như tỉnh nào cũng có. Tuy nhiên, để nghề này còn hưng thịnh đến ngày nay thì không phải địa phương nào cũng duy trì được.

Những làng nghề gốm sứ nổi tiếng đã và đang tạo được sự hấp dẫn với khách du lịch trong và ngoài nước phải kể đến là: Bát Tràng (Gia Lâm, Hà Nội), Hương Canh (Vĩnh Phúc), Đông Thành (Đông Triều, Quảng Ninh), Bàu Trúc (Ninh Phước, Ninh Thuận), Biên Hòa (Đồng Nai), Lái Thiêu, Minh Long (Thủ Dầu Một, Bình Dương), Vân Sơn (Nhơn Hậu, Bình Định), Thái Đen (Mường Chanh, Sơn La), Chu Đậu (Nam Sách, Hải Dương)...

Sản phẩm của nghề gốm sứ là những dụng cụ gia đình và những tác phẩm nghệ thuật đặc sắc dùng trang trí nơi công cộng, chốn cung đình, đường phố, góp phần tạo nên những vẻ đẹp thu hút lòng người (con đường gốm sứ).

- **Làng nghề chạm khắc đá, gỗ, tranh sơn mài:** Sản phẩm từ nghề chạm khắc đá rất đa dạng, là những vật dụng trong đời sống hàng ngày của người dân như cối, chày, bàn; những đồ trang sức như nhẫn, vòng hạt đeo cổ; những con vật tượng trưng cho 12 con giáp và cả những bức tượng được coi là vật linh thiêng trong các chùa, nhà thờ... Đối với khách du lịch bốn phương thì đó là những vật kỉ niệm quý, có sức thu hút mạnh mẽ.

Các làng nghề chạm khắc đá tiêu biểu: Ngũ Hành Sơn (Đà Nẵng), Bửu Long (Biên Hòa, Đồng Nai), Nhồi (Đông Sơn, Thanh Hóa), Ninh Vân (Hoa Lư, Ninh Bình)...

Các làng chạm khắc gỗ nổi tiếng với chất lượng cao, mẫu mã độc đáo, giá trị sử dụng cao, thị trường tiêu thụ lớn là: Phú Khê, Đồng Kỵ (Từ Sơn, Bắc Ninh), Du Nam (TP Vũng Tàu, Bà Rịa - Vũng

Tàu), Nhân Hiền (Thường Tín, Hà Nội), Sơn Đông (Hoài Đức, Hà Nội), Dư Dụ (Thanh Oai, Hà Nội), Đất Thủ (Bình Dương), Thanh Thủy (Quốc Oai, Hà Nội), Thiết Ứng, Cổ Châu (Đông Anh, Hà Nội), Phú Thọ (Bình Dương), Bảo Hà (Hải Phòng), La Xuyên (Ý Yên, Nam Định), Mỹ Xuyên (Phong Điền, Thừa Thiên - Huế), Hội An (Quảng Nam)...

Các làng tranh sơn mài nổi tiếng với những sản phẩm độc đáo là: Tương Bình Hiệp (Bình An, Bình Dương), Hạ Thái (Thường Tín, Hà Nội), Triều Sơn, Địa Linh (Tiên Nôn, TP Huế).

- **Làng nghề dệt lụa, thổ cẩm, thêu ren, dệt chiếu cói**

Trên cả nước hiện nay có nhiều làng nghề dệt lụa, thổ cẩm và thêu ren truyền thống có khả năng khai thác phục vụ du lịch, ngoài giá trị kinh tế cho địa phương, sản phẩm được tạo ra từ các dân tộc khác nhau của các làng nghề này đã tạo được sự cuốn hút khách du lịch bởi tính đa dạng, phong phú về chủng loại và màu sắc rực rỡ.

Các làng nghề tiêu biểu là: các làng dệt lụa Vạn Phúc (Hà Đông, Hà Nội), Tân Châu (Tân Châu, An Giang), Mã Châu (Duy Xuyên, Quảng Nam), Chăm (Phan Rang, Tháp Chàm, Ninh Thuận), Vân Phương (xã Liên Phương, TP Hưng Yên); các làng thêu ren Quất Động (Thường Tín, Hà Nội), Văn Lâm (Hoa Lư, Ninh Bình), Huế (Thừa Thiên - Huế)...

Các làng nghề dệt chiếu cói điển hình là: Hoài Nhơn (Bình Định), Tư Nghĩa (Quảng Ngãi), Bàn Thạch (Quảng Nam), Hới (Thái Bình), Cẩm Nê (Đà

Năng), Mỹ Trạch (Ninh Hòa, Khánh Hòa), Lật Dương (Tiên Lãng, Hải Phòng), Thủy Tú (Nha Trang, Khánh Hòa), Kim Sơn (Ninh Bình), Phú Tân (Tuy An, Phú Yên).

Ngoài ra, còn khá nhiều làng nghề dệt thêu khác ở các địa phương thuộc Tây Nguyên, miền núi phía Bắc, đồng bằng sông Cửu Long, nhưng chưa được đầu tư phát triển đúng với thế mạnh vốn có của nó trong quá khứ và hiện tại.

- **Làng nghề sản xuất giấy dó, tranh dân gian:** Sản xuất giấy dó phát triển sớm ở nhiều địa phương, song chỉ được duy trì ở một số nơi có kỹ thuật tốt như: Yên Thái (làng Bưởi, Hà Nội), Phong Khê (Yên Phong, Bắc Ninh), An Cốc (Phú Xuyên, Hà Nội), Nghĩa Đô (Từ Liêm, Hà Nội)...

Bên cạnh những làng nghề làm giấy dó là nghề làm tranh dân gian. Sản phẩm tranh dân gian được sử dụng trong những gia đình bình dân và trong các gia đình quyền quý ở kinh thành bởi tính độc đáo và dân dã của chúng.

Các làng tranh điển hình tạo được ấn tượng và sức cuốn hút với khách du lịch là: Đông Hồ (Bắc Ninh), Hàng Trống (Hà Nội).

- **Làng nghề mây tre đan:** Sản phẩm mây tre đan như: bàn, ghế, túi xách, khay đựng hoa quả, lọ và lẵng cắm hoa, giày dép đi trong khách sạn ngày càng xuất hiện nhiều và được khách du lịch ưa chuộng

Các làng nghề mây tre đan không chỉ là nơi sản xuất ra sản phẩm hàng hóa mà còn là nơi trình diễn kỹ thuật thủ công

và bàn tay khéo léo của người thợ với khách du lịch.

Các làng nghề tiêu biểu là: Phú Vinh (Chương Mỹ, Hà Nội), Ninh Sở (Thường Tín, Hà Nội), Tăng Tiến (Việt Yên, Bắc Giang), Xuân Lai (Gia Bình, Bắc Ninh).

Có thể nói, phát triển ngành nghề truyền thống có vai trò quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế nông thôn, hộ gia đình, nó không chỉ tạo công ăn việc làm lúc nông nhàn, tăng thu nhập cho nông dân mà còn tạo dấu ấn bản sắc văn hóa riêng của dân tộc, phát triển nông thôn mới.

Thực hiện đổi mới phát triển kinh tế thời kỳ hội nhập, Chính phủ đã ra Quyết định 132/2000/QĐ-TTg về chính sách khuyến khích phát triển ngành nghề nông thôn, nông nghiệp nước ta. Tiếp theo là Nghị định 90/CP ngày 23-11-2001 đã tạo cơ hội cho các doanh nghiệp trong các làng nghề vay vốn, cấp đất mở rộng cơ sở sản xuất và được phép xuất khẩu trực tiếp. Từ quyết định, nghị định này, nhiều nghề truyền thống được khôi phục. Cùng với phong trào “mỗi làng một sản phẩm”, nhiều làng nghề đã tạo được khối lượng sản phẩm lớn, thể loại đa dạng, chất lượng cao cung cấp cho thị trường trong và ngoài nước. Hiện nay đã có hơn 40% sản phẩm của làng nghề nông thôn được đưa đến thị trường của hơn 100 nước trên thế giới.

### **3.2. Một số vấn đề đặt ra trong phát triển làng nghề ở nước ta**

Với số lượng hơn 2000 làng nghề truyền thống có từ 100 năm tuổi trở lên, các làng nghề đã sản xuất ra hàng ngàn

loại sản phẩm có giá trị sử dụng trong nhiều lĩnh vực, đóng góp cho thị trường xuất khẩu, thu nguồn ngoại tệ đáng kể. Tuy nhiên, nhìn nhận khách quan thì việc phát triển làng nghề truyền thống ở nước ta còn bộc lộ nhiều vấn đề cần phải được quan tâm, để có thể phát triển đúng với tiềm năng hiện có, cụ thể là:

- Phát triển ngành nghề trong các làng nghề nông thôn còn mang tính tự phát, công nghệ lạc hậu, máy móc thiết bị chưa hiện đại, vốn đầu tư ít (80% cơ sở không đủ điều kiện đầu tư vốn cải tiến trang thiết bị công nghệ hiện đại).

- Sản xuất thiếu ổn định, nguồn nguyên liệu cho sản xuất còn thụ động, chất lượng nguyên liệu bảo quản chưa đáp ứng yêu cầu.

- Các doanh nghiệp tham gia vào các khâu sản xuất nâng cao chất lượng, đưa sản phẩm trở thành thương hiệu có khả năng thu lợi ích kinh tế lớn, nhưng vẫn chưa thực sự chủ động được nguồn vốn vay làm ảnh hưởng đến tiến độ sản xuất và cung cấp sản phẩm.

- Sự liên kết giữa các làng nghề, nghề nhân, thợ thủ công và các doanh nghiệp trong việc cung cấp thông tin thị trường, tiêu thụ sản phẩm, truyền nghề,... chưa thường xuyên và chưa chặt chẽ.

- Chất lượng nhiều sản phẩm chưa cao, việc cải tiến mẫu mã, kiểu dáng, đăng kí thương hiệu còn rất hạn chế, chưa khai thác hiệu quả thị trường trong nước, xuất khẩu và tiềm năng du lịch chưa được khai thác tốt.

- Công tác đào tạo nâng cao tay nghề và truyền nghề chưa được chú ý. Việc giữ gìn, tôn vinh và tuyên truyền bản sắc

văn hóa dân tộc trên các sản phẩm truyền thống chưa được coi trọng.

- Cơ sở hạ tầng và dịch vụ không đồng bộ; môi trường sản xuất và sinh hoạt ô nhiễm nặng làm ảnh hưởng đến môi trường sống của dân cư và khách du lịch.

#### **4. Giải pháp phát triển làng nghề truyền thống phục vụ du lịch**

##### **4.1. Quan điểm**

Để chấn hưng và phát triển làng nghề, trước hết cần phải có quy hoạch thống nhất về sự phát triển làng nghề trên cả nước và từng địa phương, làm nền tảng cho các cơ sở chủ động đầu tư lâu dài, mở rộng quy mô, trang bị kĩ thuật hiện đại để nâng cao chất lượng sản phẩm. Bên cạnh đó, cần có nhận thức đúng như :

- Chấn hưng làng nghề là bảo tồn văn hóa, là chuyển đổi cơ cấu sản xuất ở nông thôn, là tham gia xóa đói giảm nghèo;

- Việc cải tiến mẫu mã, kiểu dáng, đăng kí và quảng bá thương hiệu, sản xuất số lượng nhiều, giá thành và giá bán thấp, chất lượng tốt phù hợp với đối tượng tiêu thụ là công việc quan trọng phải được thực hiện đồng bộ;

- Phát triển loại hình du lịch làng nghề và làng nghề du lịch là nhằm mục tiêu khai thác tối đa tiềm năng truyền thống của địa phương.

##### **4.2. Giải pháp phát triển**

*Xây dựng chiến lược quy hoạch, chính sách và định hướng phát triển ngành nghề, làng nghề nông thôn*

- Chú trọng quy hoạch phát triển các làng nghề gắn với các cụm công nghiệp, tiêu thụ công nghiệp, chiến lược thị

trường, phát triển nguồn nhân lực, kế hoạch bảo tồn trước mắt và lâu dài.

- Mỗi địa phương, làng nghề cần thực hiện quy hoạch chi tiết phát triển cơ sở hạ tầng (giao thông, công trình điện nước, mặt bằng xây dựng...), đặc biệt chú ý đến bảo vệ môi trường sản xuất và sinh hoạt.

- Điều tra, khảo sát toàn bộ hệ thống làng nghề truyền thống, đánh giá toàn diện, phân tích chi tiết tiềm năng của từng ngành nghề truyền thống ở từng địa phương (nếu nhiều địa phương cùng có thì phải so sánh và tìm ra những nổi trội riêng biệt) để có kế hoạch phát triển phù hợp, hiệu quả cao.

*Điều chỉnh cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển làng nghề*

- Bổ sung, điều chỉnh kịp thời chính sách khuyến khích phát triển làng nghề trong các lĩnh vực: cơ chế quản lí đầu tư vốn, đào tạo nhân lực, quyền sử dụng đất, xuất nhập khẩu, công bằng lợi ích.

- Tăng cường hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ, doanh nghiệp ngoài quốc doanh và hộ gia đình về chính sách đầu tư, xúc tiến quảng bá sản phẩm, cung cấp thông tin thị trường, thiết kế mẫu mã phù hợp nhu cầu thị trường.

- Đãi ngộ xứng đáng về vật chất với các nghệ nhân, nhà nghiên cứu văn hóa - lịch sử tham gia nghiên cứu, đánh giá và phổ biến giá trị văn hóa của sản phẩm, xây dựng kế hoạch bảo tồn sản phẩm.

*Tăng cường áp dụng khoa học công nghệ, cải tiến mẫu mã, nâng cao chất lượng sản phẩm*

- Chủ động đầu tư và đầu tư lớn cho các cơ sở nghiên cứu khoa học - công

nghệ; sử dụng vật liệu mới, tạo ra sản phẩm mới nhằm nâng cao chất lượng, tính thẩm mỹ, độ bền và khả năng sử dụng lâu dài của sản phẩm.

- Đẩy mạnh liên kết, hợp tác giữa các làng nghề với các tổ chức, chuyên gia trong và ngoài nước để trao đổi, học hỏi kinh nghiệm cải tiến mẫu mã, kiểu dáng sản phẩm, quảng bá sản phẩm, tìm kiếm thị trường tiêu thụ sản phẩm.

*Củng cố chặt chẽ thường xuyên mối quan hệ giữa “các nhà”*

- Tăng cường mối quan hệ giữa các nhà như: “nhà nước”, “nhà sản xuất”, “nhà khoa học”, “nhà kinh doanh”, “nhà văn hóa”, “nhà thiết kế”, “nhà du lịch” nhằm phát triển toàn diện làng nghề truyền thống.

*Phát triển mạng lưới liên kết các làng nghề*

- Liên kết các làng nghề để hỗ trợ lẫn nhau trong các lĩnh vực: sản xuất, nhân lực trình độ cao, cơ sở hạ tầng, tạo dòng sản phẩm, xúc tiến quảng bá sản phẩm tạo sức cạnh tranh trên thị trường thế giới.

- Đẩy mạnh hơn nữa việc liên kết phát triển du lịch làng nghề nhằm giới thiệu, tôn vinh văn hóa dân tộc, thông qua những thao tác, kỹ năng thể hiện của các nghệ nhân trên sản phẩm.

*Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao*

- Cần kết hợp đồng thời và duy trì thường xuyên việc truyền nghề với việc nâng cao trình độ lực lượng lao động

- Đào tạo kịp thời đội ngũ lao động trẻ kế cận có khả năng tiếp thu nhanh,

vận dụng hiệu quả tay nghề trong sản xuất.

- Chú ý đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý chung và chuyên sâu cho các bộ phận thiết kế mẫu và xúc tiến thương mại.

*Đẩy mạnh hoạt động xúc tiến thương mại*

- Khuyến khích cá nhân, cơ sở, hiệp hội ngành nghề, các tổ chức kết hợp với nhau mở các website và xuất bản những ấn phẩm (sách, sổ tay, tờ rơi...) tạo thành mạng lưới thông tin; tăng cường sử dụng các phương tiện thông tin đại chúng để quảng bá giới thiệu sản phẩm làng nghề, giá cả, thị trường tiêu thụ...

- Tổ chức thường xuyên các hội chợ triển lãm nhằm tôn vinh các làng nghề, giới thiệu nhãn hiệu hàng hóa các làng nghề, các sản phẩm đặc sắc mang đậm nét văn hóa của các dân tộc.

*Xây dựng, triển khai các dự án phát triển làng nghề*

- Kế hoạch phát triển cần thực hiện theo chiến lược lâu dài gắn chặt với các hoạt động du lịch, phù hợp với chiến lược phát triển tổng thể kinh tế địa phương.

- Đặc biệt chú ý thiết lập hệ thống xử lý, bảo vệ môi trường trong các cơ sở sản xuất và toàn thể làng nghề, vận dụng tốt kinh nghiệm “mỗi làng, một sản phẩm” nhằm khai thác tối đa tiềm năng địa phương.

## 5. Kết luận

Làng nghề truyền thống là “tài nguyên” nổi bật của thị trường du lịch nước ta. Nó đã và đang có những đóng góp quan trọng cho sự phát triển kinh tế đất nước, đặc biệt là du lịch. Trong nhiều

năm qua, mỗi làng nghề đều “tự thân vận động” là chủ yếu. Sự thành công của một số làng nghề như Bát Tràng (Hà Nội), Phú Vinh, Vạn Phúc (Hà Nội), Non Nước (Đà Nẵng), Minh Long (Bình Dương) và hàng trăm làng nghề khác trên cả nước, đã thật sự cuốn hút du khách trong và ngoài nước. Chính những làng nghề truyền thống này đã trở thành địa điểm du lịch thường xuyên.

Sự phát triển các làng nghề truyền thống ở nông thôn đã và đang nhận được sự quan tâm của Chính phủ, song sự phát triển còn chậm, hiệu quả chưa cao, môi

trường sản xuất và tiêu thụ chưa đảm bảo ổn định, chưa tương xứng với tiềm năng vốn có của các địa phương nước ta.

Vì vậy, việc xây dựng các giải pháp nhằm phát triển nhanh, mạnh, bền vững các làng nghề truyền thống phục vụ cho hoạt động du lịch là hết sức cần thiết. Những giải pháp nêu ra trên đây nếu được thực hiện nghiêm túc, kịp thời sẽ góp phần làm thay đổi hoàn thiện cơ cấu sản xuất nông thôn, bảo tồn nét văn hóa truyền thống của các dân tộc, giải quyết tốt việc làm cho người lao động nông thôn và nâng cao chất lượng cuộc sống.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2008), “Áp dụng kinh nghiệm “mỗi làng một sản phẩm” trong phát triển ngành nghề nông thôn ở Việt Nam”, *Tuần tin Kinh tế - Xã hội*, (9).
2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2008), “Du lịch làng nghề Việt Nam thực trạng và tiềm năng phát triển”, *Tuần tin Kinh tế - Xã hội*, (14).
3. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2009), *Kinh nghiệm quốc tế về phát triển làng nghề nông nghiệp và nông thôn trong quá trình công nghiệp hóa*, Đặc san số 55.
4. Nguyễn Đình Hòe (2001), *Du lịch bền vững*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
5. Nguyễn Minh Tuệ (chủ biên) & ntk (2010), *Địa lí Du lịch Việt Nam*, Nxb Giáo dục Việt Nam.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 19-9-2011; ngày chấp nhận đăng: 06-4-2012)